TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2024/DS-PT
Ngày: 09/5/2024
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở, thừa kế tài sản, đòi tài sản.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở, thừa kế tài sản, đòi tài sản" do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4737/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1948; nơi cư trú: 1005-60 Richmond S, on M1, Canada; tạm trú tại: P, tầng C Chung cư H, phường S, quận H, thành phố Hải Phũng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Diễm C, sinh năm 1992; trú tại: Tổ C, khu phố H, Bùi Thị X, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hoàng Thị D - Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1954; nơi ĐKHKTT: Số H L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở: P, tầng D, Tòa A chung cư TT R - số D V, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phùng Ngọc L và Luật sư Dương Thị Thanh N - Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1954; nơi ở hiện tại: 20 I, ave, T, Canada; vắng mặt;

2. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1962; nơi ở hiện tại: 34 B, S, O, Canada; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị N1: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1948; nơi cư trú: 1005-60 Richmond S, on M1, Canada; tạm trú tại: Tầng C số nhà B Chung cư H, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (người đại diện theo ủy quyền của bà M là bà Đặng Thị Diễm C có mặt);

3. Ông Hoàng Tôn Đ, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số G T, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Tôn Đ: Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1954; nơi ĐKHKTT: Số H L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở: P, tầng D, Tòa A, chung cư T - số D V, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt;

4. Bà Trần Mai A, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số B T, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Hoàng Thị M đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S trình bày:

Bố bà là cụ Hoàng Tôn B (chết năm 2001), có hai người vợ là cụ Vũ Thị N2 và cụ Vũ Thị H. Cụ Vũ Thị N2 (chết năm 2010) và cụ Hoàng Tôn B có 03 con chung là các bà: Hoàng Thị M, Hoàng Thị G và Hoàng Thị N1. Cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị H (chết năm 2008) có 02 con chung là ông Hoàng Tôn Đ và bà Hoàng Thị S.

Năm 1990, bà M mua căn nhà và đất phía trong số E phố L (nay là 8 phố L), phường M, quận N, Hải Phòng (sau đây viết tắt là căn nhà 8/56 phố L) của ông Phùng Minh T và vợ là bà Trần Thị H1. Bà nói với cụ N2 là để mẹ bà đứng tên để không phải ở nhờ con gái, mẹ bà đồng ý nên giấy tờ đứng tên cụ N2. Việc mua bán có viết giấy chuyển nhượng và được chứng nhận, đã trước bạ sang tên. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất Bằng khoán số 273GA ngày 26/7/1993 do Sở xây dựng và quản lý công trình thành phố Hải Phòng cấp, căn nhà số E ngõ phía trong phố L, phường M, quận N, Hải Phòng là thuộc quyền sở hữu của cụ Vũ Thị N2 và bà Hoàng Thị M. Sau đó, bà M được bảo lãnh sang Canada định cư nên để cho cụ N2 ở. Trước đây, theo quy định người Việt Nam đi nước ngoài không được đứng tên nhà đất, tiền mang đi nước ngoài nên để hợp thức hóa việc được nhập quốc tịch nước ngoài, ngày 02/8/1993 bà M đã lập Giấy cho đứt nhà ở, cho đứt phần của bà M tại căn nhà E (phía trong) đường L, Hải Phòng cho cụ Vũ Thị N2 *"được toàn quyền sở hữu phần nhà đã cho, hưởng dụng các*

quyền của chủ sở hữu và phải gánh chịu các nghĩa vụ của nó" được Phòng C1 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 76.CCNN1/CDN cùng ngày 02/8/1993.

Năm 2004, cụ N2 viết di chúc để lại căn nhà cho bà G. Năm 2007, cụ N2 làm lại di chúc để lại căn nhà cho bà M nên di chúc năm 2004 của cụ N2 hết hiệu lực. Như vậy, căn nhà số H L thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà M do di chúc này là hợp pháp. Đến nay, bản án phúc thẩm đã phán quyết: Nhà và đất tại số H phố L là di sản của cụ N2 và cụ B; các bản di chúc năm 2004 và 2007 là vô hiệu. Bà M khẳng định căn nhà tại 8 phố L, phường M, quận N, Hải Phòng nêu trên thuộc quyền sở hữu của bà M, không phải tài sản của bố mẹ bà nên không đồng ý chia thừa kế đối với tài sản trên.

Khoảng tháng 6/1993 (không nhớ ngày), trước khi bà M đi nước ngoài bà có vay của bà G 05 cây vàng nhưng việc vay nợ không lập văn bản, bà G đã giao và bà nhận đủ 05 cây vàng, hẹn khi cần thông báo bà sẽ trả. Việc lập văn bản ngày 09/12/2015 bà phải trả bà G 7,5 cây vàng là do chị em bất đồng, bà G đòi bà phải trả 05 cây vàng và lãi phát sinh nên bà chấp nhận trả tổng là 7,5 cây vàng.

Bà yêu cầu bà G có trách nhiệm trả căn nhà số H phố L cho bà M. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ bà, đề nghị xem xét đến nguồn tiền bà là người bỏ ra mua căn nhà này, công sức quản lý, sửa chữa căn nhà trên cho bà và không đồng ý trả bà G 05 cây vàng vì tài sản của bà đã chia thừa kế cho mọi người thì bà G cũng không được nhận lại số vàng đó. Trường hợp bà Hoàng Thị N1 và Hoàng Thị S nhận kỷ phần thừa kế của mình và tặng cho lại cho bà M kỷ phần thừa kế được hưởng thì bà M đồng ý nhận. Bà M đề nghị giao căn nhà trên cho bà M được quyền quản lý, sở hữu và sử dụng, phần bà G và các thừa kế khác được hưởng bà sẽ thanh toán bằng tiền.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị G về việc yêu cầu bà M phải trả 7,5 cây vàng và trường hợp chia thừa kế yêu cầu tính công sức chăm sóc bố mẹ, trông coi, sửa chữa tài sản. Bà M có ý kiến như sau: Bà chỉ chấp nhận trả bà G 05 cây vàng; đồng ý trả lãi thêm là 2,5 cây vàng nữa để giải quyết dứt điểm trong trường hợp bà G đồng ý trả nhà cho bà M. Bà M đưa ra phương án giải quyết vụ việc tranh chấp như sau: Bà G trả lại bà M nhà và đất tại số H L thì bà M đồng ý trả 7,5 cây vàng cho bà G theo giá thị trường. Đồng thời, yêu cầu phải trả lại bà giấy tờ mua 03 lô đất ở chùa L6 để sau này chôn cất các cụ, giấy mua bán đứng tên bà G và hiện do bà G đang quản lý nên bà không có để cung cấp cho Tòa án. Khi bố mẹ bà mất thì không chôn tại chùa này nên phần đất vẫn để trống.

Bị đơn là bà Hoàng Thị G đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Tôn Đ trình bày:

Thống nhất với trình bày của bà M về quan hệ huyết thống, thời điểm bố mẹ bà chết. Cụ Vũ Thị N2 (chết năm 2010) và cụ Hoàng Tôn B (chết năm 2001) có 03 con chung là Hoàng Thị M, Hoàng Thị G và Hoàng Thị N1. Cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị H (chết năm 2008) có 02 con chung là ông Hoàng Tôn Đ và bà Hoàng Thị S. Ngoài 02 người vợ và những người con có tên kể trên, bố bà không có vợ và bất

kỳ người con nào khác. Bố mẹ đẻ của cụ B đã mất trước cụ B; cụ B không có bố mẹ nuôi hoặc người phụ thuộc cần phải chăm sóc.

Hiện nay, tài sản đang tranh chấp là căn nhà tại số H phố L không thay đổi nhiều về kết cấu, xung quanh đều giáp với các hộ liền kề bởi tường nhà hoặc đã có tường bao. Bà G sinh sống tại nhà đất này từ năm 1993 đến năm 2015, do có phát sinh tranh chấp với bà M nên hiện không ai ở tại căn nhà này. Trong quá trình sinh sống tại đây, bà G đã nhiều lần tu sửa, cải tạo lại nhà.

Về nguồn gốc tài sản tranh chấp: Năm 1990, cụ N2 và bà M cùng mua chung căn nhà của ông Phùng Minh T và vợ là bà Trần Thị H1. Việc mua bán có viết giấy chuyển nhượng và được chứng nhận sang tên. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất bằng khoán số 273GA ngày 26/7/1993 do Sở xây dựng cấp đứng tên cụ Vũ Thị N2 và bà Hoàng Thị M.

Do bà M được bảo lãnh sang Canada định cư nên bà M đã đề nghị bà G mua lại phần nhà của bà M trong căn nhà này và bà G đồng ý mua lại với giá là 11,5 cây vàng. Để mua phần nhà của bà M, bà G đã bán nhà ở L và dồn tất cả tài sản được 8,3 cây vàng. Bà G đưa 8,3 cây vàng cho bà M, còn thiếu 03 cây vàng, bà M nói cho bà G nhưng bà G phải có trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ. Năm đó vợ chồng bà G chuẩn bị ly hôn, do sợ phải chia tài sản cho chồng nên bà G nhờ mẹ đẻ là cụ N2 đứng tên. Do vậy, ngày 02/8/1993, bà M đã lập Giấy cho đứt nhà ở, cho đứt phần của bà M tại căn nhà được Phòng C1 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 76.CCNN1/CDN cùng ngày 02/8/1993.

Sau khi vợ chồng bà ly hôn, vì tin tưởng chị ruột nên bà G đã không sang tên lấy lại phần nhà đã mua và bà G đã sinh sống tại căn nhà này suốt 26 năm. Năm 2004, cụ N2 đã viết di chúc để lại căn nhà cho bà G. Năm 2007, cụ N2 ốm nặng, bà M về thăm mẹ sau đó đã lấy di chúc năm 2004 và giấy tờ liên quan đến căn nhà, làm lại di chúc khi cụ N2 ốm nặng. Năm 2010 cụ N2 qua đời. Đến năm 2015, bà M về phá cửa nhà và cho bà Trần Mai A thuê nên bà M và bà G xảy ra tranh chấp. Để giải quyết dứt điểm tranh chấp, giữ gìn tình cảm chị em trong gia đình, ngày 09/12/2015, bà G đã chấp nhận thiệt thòi đồng ý lập văn bản với thỏa thuận có nội dung: *"Chị Hoàng Thị M tự nguyện nhất trí đưa cho em Hoàng Thị G 7,5 cây vàng. Chị M cam kết 15 ngày tính từ ngày viết giấy thỏa thuận này nhất định chuyển 7,5 lạng vàng cho em G, dù trả tiền chậm 01 ngày thì ½ căn nhà trên sẽ là của em tôi (Giáp). Tôi (G) tự nguyện nhất trí cam kết sau khi nhận đủ 7,5 cây vàng nói trên từ chị tôi (Hoàng Thị M) thì tuyệt đối không liên quan đến căn nhà 8/56 Lê L1 hoặc có ý định tranh chấp ngôi nhà số H ngõ E L."* Do bà M vi phạm thỏa thuận, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả 7,5 lạng vàng cho bà G nên ½ căn nhà số H L đã là của bà Hoàng Thị G từ năm 2015.

Đối với khoản tiền vàng bà M vay bà G: Thời điểm năm 1992, bà G đã cho bà M vay một khoản gồm tiền mặt và vàng gồm: 06 triệu tiền mặt, 01 dây chuyền vàng 05 chỉ, 01 nhẫn vàng 02 chỉ. Sau đó, đến ngày 09/12/2015, bà G với bà M lập một văn bản thỏa thuận với nội dung như trên. Bà G khẳng định bà M còn nợ bà G 7,5 cây vàng, bà M chưa thanh toán cho bà G. Do vậy, bà G yêu cầu bà M trả 7,5 cây vàng trên.

Đến nay bản án phúc thẩm đã phán quyết: Căn nhà và đất tại số H L là di sản của cụ N2 và cụ B; các bản di chúc năm 2004 và 2007 là vô hiệu. Bà G khẳng định căn nhà này thuộc quyền sở hữu của bà G. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế tài sản, đề nghị xem xét đến công sức quản lý, tôn tạo căn nhà trên cho bà G. Trường hợp ông Đ nhận kỷ phần thừa kế của mình và tặng cho lại cho bà G được hưởng phần thừa kế đó thì bà G đồng ý nhận.

Nay bà G có đơn phản tố yêu cầu bà M phải trả cho bà 7,5 cây vàng quy đổi ra tiền Việt Nam tương đương giá trị loại vàng nhẫn trang sức cho bà và đối trừ trong trường hợp các bên phải thanh toán nghĩa vụ với nhau. Phân chia di sản thừa kế là nhà và đất tại số H L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng của bố mẹ là cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị N2, cụ Vũ Thị H để lại theo pháp luật, có tính đến công sức của bà G chăm sóc bố mẹ (người để lại di sản), trông coi tài sản cũng như chi phí bà G đã sửa chữa, tôn tạo ngôi nhà trong suốt thời gian từ năm 1993 đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, bà G không đồng ý. Bà G đưa ra phương án giải quyết vụ việc tranh chấp như sau: Chia đôi căn nhà số H L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng cho bà G và bà M mỗi người một nửa; giao căn nhà trên cho bà M được quyền sở hữu, bà M sẽ trả cho bà G ½ giá trị ngôi nhà bằng tiền theo giá tại biên bản định giá tài sản. Trong trường hợp bà M không đồng ý với phương án giải quyết của bà G thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 02/12/2018, bà G đã ký hợp đồng cho bà L2 thuê nhà nhưng thực tế bà L2 chưa ở căn nhà này ngày nào, bà G cũng không thu tiền thuê nhà đối với bà L2. Toàn bộ căn nhà vẫn nguyên hiện trạng như lúc trước, không có sự thay đổi về thiết kế và xây dựng, không có tài sản nào của bà L2 và bà Mai A trong căn nhà này. Bà G đã cho bà Mai A ở nhờ tại tầng 2, không thu tiền nhưng bà Mai A chưa bàn giao trả lại nhà cho bà. Thực tế, bà Mai A có ở hay không bà không rõ vì hiện bà đang sinh sống tại Hà Nội. Bà G đồng ý với kết quả thẩm định và định giá tài sản, đề nghị giải quyết theo diện tích hiện trạng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Tôn Đ trình bày:

Thống nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống và thời điểm cụ Hoàng Tôn B, cụ Vũ Thị N2, Vũ Thị H chết và các thừa kế. Mặc dù, bố ông là cụ Hoàng Tôn B có 02 vợ nhưng các cụ chung sống với nhau rất hòa thuận, quan tâm chăm sóc nhau; bố ông vẫn duy trì quan hệ tình cảm vợ chồng với mẹ cả là cụ N2 cho tới khi cụ qua đời.

Về nguồn gốc căn nhà trên đất tại số H phố L phường M, quận N, Hải Phòng do cụ N2 và bà M cùng mua chung có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất bằng khoán số 273GA ngày 26/7/1993 do Sở xây dựng cấp. Ngày 02/8/1993, bà M đã lập Giấy cho đứt nhà ở, cho đứt phần của bà M tại căn nhà cho cụ Vũ Thị N2 được Phòng C1 thành phố Hải Phòng chứng nhận số 76.CCNN1/CDN. Ông khẳng định căn nhà số H phố L thuộc quyền sở hữu của bà G vì nhà đó bà G đã trả tiền mua nhà cho bà M từ những năm 1992, 1993. Quá trình quản lý, sử dụng đến nay, hiện trạng căn nhà không có thay đổi so với thời

điểm trước đây; ông không có ý kiến về việc thẩm định, định giá tài sản. Trong trường hợp ông được hưởng di sản thừa kế tại căn nhà 8 L thì ông đồng ý nhận di sản thừa kế và nhường (tặng cho) toàn bộ phần thừa kế mà ông được hưởng cho bà Hoàng Thị G. Đồng thời, ông ủy quyền cho bà Hoàng Thị G được toàn quyền thay mặt/nhân danh ông tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp cho đến khi vụ án này được giải quyết xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị N1 có đơn xin từ chối liên quan và nhận phần chia di sản, giấy ủy quyền ghi ngày 11 tháng 4 năm 2023 được chứng thực bởi Văn phòng Luật sư tại Canada nêu ý kiến:

Thống nhất với nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm bố mẹ các bà là cụ Hoàng Tôn B và vợ cả là cụ Vũ Thị N2, vợ hai là cụ Vũ Thị H chết và các anh chị em ruột. Về nguồn gốc khối tài sản đang tranh chấp thì khẳng định căn nhà số H phố L thuộc quyền sở hữu của bà M. Trong trường hợp các bà được hưởng di sản thừa kế tại căn nhà 8 L, phường M, quận N, Hải Phòng thì các bà nhường (tặng cho) toàn bộ phần thừa kế mà các bà được hưởng cho bà Hoàng Thị M. Đồng thời, ủy quyền cho bà Hoàng Thị M được toàn quyền thay mặt/nhân danh bà tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp cho đến khi vụ án này được giải quyết xong.

* **Bà Trần Mai A:** Sau khi thụ lý lại, bà Mai A đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng song không có mặt, không cung cấp ý kiến. Lời khai tại giai đoạn trước đây, bà Mai A trình bày: Bà Mai A chứng kiến việc chị em bà G tranh cãi nhau về căn nhà 8 L. Bà Mai A đã thuyết phục bà G nhận 7,5 cây vàng từ bà M và bà Mai A là người viết giấy thỏa thuận ngày 09/12/2015. Về nội dung bản di chúc, bà Mai A nghe hai bà tranh cãi nhau về 02 bản di chúc lập năm 2004 và năm 2007. Bà M có nói "di chúc trước không có giá trị, di chúc sau mới có giá trị". Từ năm 2018 đến nay, bà Mai A đang ở tại tầng 2 nhà 8 L và trả tiền thuê nhà 1.000.0000đồng/tháng cho bà G.

* **Bà Lê Thị L3:** Sau khi thụ lý lại vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng song không có mặt, không cung cấp ý kiến. Tại phiên tòa ngày 25/7/2020, bà Lê Thị L3 trình bày: Bà L3 có ký hợp đồng thuê nhà với bà G nhưng do hai chị em bà G tranh cãi nhau về căn nhà này nên bà L3 không thuê nhà với bà G nữa. Thực tế, bà L3 chưa ở tại căn nhà này và không phát sinh tiền thuê nhà với bà G. Bà L3 có chứng kiến hai chị em bà G cãi nhau và thỏa thuận việc bà M sẽ trả cho bà G 7,5 cây vàng.

* *Vụ án này, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xét xử sơ thẩm lần 1 tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 đã quyết định*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M về việc nhà số H ngõ E L, phường M, quận N, Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của bà Hoàng Thị M.

2. Bà Hoàng Thị G và bà Trần Mai A có trách nhiệm trả nhà số H ngõ E L, phường M, quận N, Hải Phòng cho bà Hoàng Thị M.

3. Bà Hoàng Thị M có trách nhiệm thực hiện văn bản thỏa thuận ngày 09/12/2015 và trả 7,5 cây vàng cho bà Hoàng Thị G tương đương 399.750.000 đồng (ba trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2020, bị đơn là bà Hoàng Thị G có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật và xét xử đúng bản chất của vụ án.

Tại Quyết định kháng nghị số 22/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/8/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà M chỉ được sở hữu ¾ giá trị nhà và đất tranh chấp, 1/3 giá trị còn lại thuộc quyền sở hữu của các đồng thừa kế của cụ Hoàng Tôn Bẩu . Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với phần tuyên xử buộc bà M phải trả cho bà G 399.750.000 đồng tương đương 7,5 cây vàng do vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 225/2022/DS-PT ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Hủy bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 17/8/2020 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng; chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (lần 2) số 107/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị M đối với bà Hoàng Thị G về việc đòi tài sản là căn nhà 5 (ngõ phía trong) và quyền sử dụng đất nay là nhà đất số H phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Hoàng Thị G về việc đòi 7,5 cây vàng và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Vũ Thị N2 và cụ Hoàng Tôn Bẩu .

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị G về việc: Bà Hoàng Thị M phải thanh toán trả bà Hoàng Thị G số tiền 426.450.000 (bốn trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tương đương với giá trị 7,5 cây vàng.

2.2. Xác định di sản thừa kế của cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị N2 là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng 75m^2 đất tại số H phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; trên đất có 01 gian nhà 02 tầng diện tích 44m^2, 01 nhà 01 tầng diện tích 34,7m^2, công trình phụ, sân, nền lát gạch men, tường bao, cổng sắt. Tổng giá trị di sản là 3.765.775.000 đồng. Chia cụ thể như sau:

2.2.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị G về việc: Giao cho bà Hoàng Thị M được quyền sở hữu, sử dụng 75m^2 đất; trên đất có 01 gian nhà 02 tầng diện tích 44m^2, 01 nhà 01 tầng diện tích 34,7m^2, công trình

phụ, sân, nền lát gạch men, tường bao, cổng sắt tại địa chỉ: Số E (ngõ phía trong) nay là nhà số H phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

2.2.2. Bà Hoàng Thị M có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản thừa kế cho bà Hoàng Thị G số tiền là: 1.500.426.000 đồng.

2.3. Tổng cộng mục (2.1 + 2.2.2), bà Hoàng Thị M phải thanh toán cho bà Hoàng Thị G số tiền là: 1.500.426.000đ + 426.450.000đ = 1.926.876.000 (Một tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

2.4. Giao cho bà Hoàng Thị M được trực tiếp quản lý kỷ phần thừa kế của bà Hoàng Thị N1 với số tiền là 764.923.000 (bảy trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn) đồng và của bà Hoàng Thị S với số tiền là 313.815.000 (Ba trăm mười ba triệu tám trăm mười lăm nghìn) đồng. Trường hợp bà Hoàng Thị N1, Hoàng Thị S có yêu cầu thanh toán, bà Hoàng Thị M phải thanh toán cho bà Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị N1 số tiền bà Hoàng Thị M được giao quản lý; nếu không thỏa thuận được, bà Hoàng Thị N1, bà Hoàng Thị S có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/6/2023, nguyên đơn là bà Hoàng Thị M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm phần liên quan đến xác định di chúc của cụ N2 năm 2007 vô hiệu toàn bộ để chia thừa kế theo pháp luật và không đồng ý trích công sức chăm sóc mẹ cho bà G.

Tại Quyết định số 18/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo hướng sửa bản án sơ thẩm, xác định di chúc ngày 02/3/2007 của cụ N2 vô hiệu một phần đối với phần tài sản của cụ B trong khối tài sản chung; chia thừa kế của cụ N2 theo di chúc và chia di sản thừa kế của cụ B theo pháp luật đối với nhà, đất tại 8 L, quận N, Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị N2 là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số H phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị M thay đổi nội dung kháng cáo và tự nguyện thỏa thuận với bà Hoàng Thị G về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Thống nhất bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị G số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng). Số tiền này bao gồm giá trị 7,5 cây vàng bà M phải trả cho bà G và giá trị 02 kỷ phần thừa kế mà bà Hoàng Thị G và ông Hoàng Tôn Đ được hưởng thừa kế của bố mẹ là cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị N2 (do ông Hoàng Tôn Đ tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế cho bà Hoàng Thị G).

- Bà Hoàng Thị G đồng ý giao toàn bộ nhà, đất tại số H phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng cho bà Hoàng Thị M được quyền sở hữu, sử dụng. Giao cho bà Hoàng Thị M quản lý kỷ phần thừa kế của bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Trường hợp bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S có yêu cầu thanh toán kỷ phần thừa kế được hưởng, bà Hoàng Thị M phải thanh toán cho bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S số tiền bà Hoàng Thị M được giao quản lý; nếu không thỏa thuận được, bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và nghe kết quả thỏa thuận của các đương sự đã kết luận: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng; sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị M được gửi trong thời hạn, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đảm bảo thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sư. Bà M là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Mai A không có kháng cáo vắng mặt. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa, các Luật sư bảo vệ quyền lợi của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ hai, đương sự vắng mặt không có kháng cáo, không thuộc đối tượng được hưởng thừa kế và đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án. Sự vắng mặt của bà Trần Mai A không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên quyết định tiến hành xét xử.

- Về phạm vi ủy quyền của nguyên đơn: Theo nội dung Hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2023 tại Văn phòng C2, thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Hoàng Thị M ủy quyền cho bà Đặng Thị Diễm C được toàn quyền thay mặt và nhân danh bà M quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án cho đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà M là bà Đặng Thị Diễm C được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân và huyết thống: Cụ Hoàng Tôn B chung sống với cụ Vũ Thị N2 không có đăng ký kết hôn, sinh được 03 người con là bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị N1. Đến năm 1959, do cụ N2 không có con trai nên cụ N2 đã tổ chức cưới vợ 2 là cụ Vũ Thị H (là em gái cụ N2) cho cụ B, sinh được 02 người con là ông Hoàng Tôn Đ và bà Hoàng Thị S. Trước khi Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 có hiệu lực, pháp luật không có quy định cấm một người có nhiều vợ hoặc nhiều chồng nên hôn nhân giữa cụ B, cụ N2 và với cụ H tuy đều

không có đăng ký kết hôn nhưng đều được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ba cụ chung sống hòa thuận, quan tâm nhau trong cùng một nhà cho đến năm 1980 cụ N2 tách khẩu chuyển đến sống cùng với bà M tại nhà riêng của bà M, còn cụ B vẫn sống cùng cụ H nhưng vẫn duy trì quan hệ tình cảm vợ chồng với cụ N2 cho đến khi cụ B chết.

Về nguồn gốc nhà, đất 56A (ngõ phía trong) nay là căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng: Căn cứ "Giấy thỏa thuận mua bán nhà" ngày 22/8/1990 giữa vợ chồng ông Phùng Minh T, bà Trần Thị H1 với cụ Vũ Thị N2, bà Hoàng Thị M; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất nhà số 2937/CNSH Bằng khoán 273GA nhà số E (ngõ phía trong) L, phường M, quận N do Sở Xây dựng thành phố H cấp ngày 26/7/1993 đứng tên cụ Vũ Thị N2 và bà Hoàng Thị M; "Đơn xin cam kết không làm chủ bất động sản" ngày 26/7/1993 của bà Hoàng Thị M và giấy cho đứt phần của mình ở nhà số E (phía trong) phố L ngày 02/8/1993 của bà Hoàng Thị M cho cụ N2 có cơ sở xác định căn nhà số E (ngõ phía trong) nay là căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng là do cụ N2 và bà M mua chung. Năm 1993, bà M được sang Canada định cư, đoàn tụ cùng con gái nên đã tặng cho cụ N2 phần tài sản của mình tại căn nhà số E (ngõ phía trong) nay là căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng cho cụ N2 theo Giấy cho đứt nhà ở ngày 02/8/1993. Cụ N2 chưa làm thủ tục trước bạ, sang tên đối với phần nhà được tặng cho.

Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế: Tài liệu hồ sơ thể hiện cụ Hoàng Tôn B chết ngày 20/12/2002. Cụ Vũ Thị H chết ngày 28/11/2008. Cụ B và cụ H đều không để lại di chúc. Cụ Vũ Thị N2 chết ngày 14/01/2010, trước khi chết cụ N2 có lập 02 di chúc, cụ thể là di chúc ngày 18/3/2004 có nội dung cho bà Hoàng Thị G căn nhà số E (ngõ phía trong) nay là căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng và di chúc ngày 02/3/2007 thay thế di chúc ngày 18/3/2004 có nội dung cho bà Hoàng Thị M căn nhà số E (ngõ phía trong)nay là căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng.

Về hàng thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của cụ Hoàng Tôn B (là 07 người gồm 02 vợ và 05 con), cụ Vũ Thị H (gồm 02 con đẻ là ông Đ và bà S) và cụ Vũ Thị N2 (gồm 03 con đẻ) là đúng. Các con của cụ N2 không có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc cụ H và các con của cụ H không có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng cụ N2 nên không được hưởng thừa kế của nhau theo quy định tại Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xác định di sản thừa kế: Hồ sơ vụ án thể hiện ba cụ chung sống với nhau tại căn nhà số A ngõ M (nay là 7 T) cho đến năm 1980 cụ N2 chuyển hộ khẩu đến sống cùng con gái là bà M tại nhà riêng của nhà bà M. Căn nhà các cụ sinh sống ông Hoàng Công Đ1 (con cụ B và cụ H) đang quản lý, sử dụng và các đương sự không có tranh chấp căn nhà này nên không xem xét.

Đối với nhà, đất số 56A (ngõ phía trong) nay là nhà, đất số H L, phường M, quận N, Hải Phòng (sau đây viết tắt là căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng) đang tranh chấp có nguồn gốc ban đầu do cụ N2 và bà M mua chung như đã phân tích ở trên. Năm 1993, bà M đi định cư ở Canada đã làm giấy tặng cho phần tài sản của mình tại căn nhà này cho cụ N2 nên cần xác định phần tài sản chung của

vợ chồng cụ N2 và cụ B, tài sản riêng của cụ N2; xem xét tính hợp pháp của di chúc ngày 02/3/2007 của cụ N2 để phân chia thừa kế cho chính xác.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc lập ngày 18/3/2004 và ngày 02/3/2007 là vô hiệu và xác định toàn bộ căn nhà và đất tại số H L, phường M, quận N, Hải Phòng là di sản thừa kế của cụ B và cụ N2 để chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, nhà, đất này có nguồn gốc do cụ N2 và bà M mua chung năm 1990 nên căn cứ quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 và Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì ½ căn nhà này sẽ là tài sản chung của cụ N2 và cụ B. Đối với ½ căn nhà còn lại thuộc quyền sở hữu của bà M đã được bà M định đoạt cho cụ N2 được toàn quyền sở hữu theo Giấy cho đứt nhà ở ngày 02/8/1993. Thời điểm bà M tặng cho cụ N2 thì cụ N2 đã không còn sống chung với cụ B tại căn nhà của 03 cụ mà chuyển đến sống chung cùng với bà M và không có căn cứ thể hiện cụ N2 tự nguyện nhập tài sản được tặng cho riêng vào khối tài sản chung với cụ B nên căn cứ quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 xác định phần tài sản cụ N2 được bà M tặng cho riêng (1/2 nhà đất tại căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng) là tài sản riêng của cụ N2. Theo đó, cụ N2 có tài sản là ¾ nhà đất tại căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng (bao gồm ½ căn nhà do được bà M tặng cho và ¼ căn nhà là phần tài sản của cụ N2 trong khối tài sản chung vợ chồng), cụ B có tài sản là ¼ nhà, đất nêu trên. Do đó, việc cụ N2 lập di chúc ngày 02/3/2007 cho bà M toàn bộ căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng là định đoạt vượt quá phần tài sản của mình nên di chúc này bị vô hiệu đối với phần định đoạt vượt quá là ¼ căn nhà là phần tài sản của cụ B. Bản di chúc này là bản di chúc được lập sau và ghi rõ thay thế di chúc lập ngày 18/3/2004 (cụ N2 định đoạt cho bà G) nên di chúc này có hiệu lực pháp luật đối với phần tài sản của cụ N2. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng cụ N2 biết đọc, biết viết và ký tên nhưng di chúc lại thể hiện cụ N2 không đọc được, chỉ có điểm chỉ và không có căn cứ xác nhận lý do điểm chỉ của cụ N2; căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng là tài sản chung vợ chồng nhưng cụ N2 tự ý định đoạt toàn bộ căn nhà để xác định di chúc ngày 02/3/2007 vi phạm về hình thức và nội dung. Đồng thời, xác định toàn bộ căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng là tài sản chung của cụ B và cụ N2, tài sản của mỗi cụ là ½ căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng để chia thừa kế theo pháp luật là không chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị N2 là nhà, đất tại số H L, phường M, quận N, Hải Phòng (sau đây viết tắt là căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng). Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị G đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó, các bên thống nhất xác định bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị G số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng). Số tiền này bao gồm giá trị 7,5 cây vàng bà M phải trả cho bà G và giá trị 02 kỷ phần thừa kế mà bà Hoàng Thị G và ông Hoàng Tôn Đ được hưởng thừa kế của bố mẹ là cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị N2 (do ông Hoàng Tôn Đ tự nguyện nhường (tặng cho) kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà Hoàng Thị G). Bà Hoàng Thị G đồng ý giao cho bà Hoàng Thị M được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng

đất tại số E (ngõ phía trong) nay là căn nhà số H phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng như ý kiến, quan điểm bà G đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Giao cho bà Hoàng Thị M quản lý kỷ phần thừa kế của bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Trường hợp bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S có yêu cầu thanh toán kỷ phần thừa kế được hưởng, bà Hoàng Thị M phải thanh toán cho bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S số tiền bà Hoàng Thị M được giao quản lý; nếu không thỏa thuận được, bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết phân chia di sản thừa kế của bố mẹ là cụ Hoàng Tôn B, cụ Vũ Thị N2 để lại và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị G đồng ý giao cho bà Hoàng Thị M được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà, đất tại số E (ngõ phía trong) nay là nhà, đất tại số H L, phường M, quận N, Hải Phòng và bà Hoàng Thị M đồng ý thanh toán cho bà Hoàng Thị G số tiền 1.400.000.000 đồng (bao gồm giá trị 7,5 cây vàng và giá trị 02 kỷ phần thừa kế của bà G và ông Đ) nên bà Hoàng Thị M được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với nhà, đất được giao theo quy định của pháp luật sau khi bà Hoàng Thị M thanh toán cho bà Hoàng Thị G số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng) như các bên đã thống nhất thỏa thuận.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc thỏa thuận của người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị G là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

[3] Về án phí: Do bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị G đều là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc Hội miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 289, khoản 1 Điều 312, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

II. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DSST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Xác định nhà, đất tại số E (ngõ phía trong) nay là nhà, đất tại số H L, phường M, quận N, Hải Phòng (sau đây viết tắt là căn nhà số H L, phường M, quận N, Hải Phòng) là di sản thừa kế của cụ Hoàng Tôn B và cụ Vũ Thị N2.

2. Thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: Cụ Hoàng Tôn B (chết năm 2001) có 02 vợ là cụ Vũ Thị N2 (chết năm 2010) và cụ Vũ Thị H (chết năm 2008). Cụ B và cụ N2 có 03 người con chung là bà Hoàng Thị M, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị N1. Cụ B và cụ H có 02 người con chung là ông Hoàng Tôn Đ và bà Hoàng Thị S.

3. Ghi nhận ông Hoàng Tôn Đ tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế được hưởng từ di sản thừa kế của cụ Hoàng Tôn B cho bà Hoàng Thị G như quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

4. Bà Hoàng Thị G đồng ý giao cho bà Hoàng Thị M được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với diện tích 75m^2 đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất số 2937/CNSH, Bằng khoán số 273GA do Sở nhà đất và công trình đô thị thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/7/1993 đứng tên cụ Vũ Thị N2 và bà Hoàng Thị M (diện tích hiện trạng sử dụng thực tế theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2023 là 77,5m^2) tại số E (ngõ phía trong) nay là nhà số H phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng. Trên đất có 01 gian nhà 02 tầng diện tích 44m^2, 01 nhà 01 tầng diện tích 34,7m^2, công trình phụ, sân, nền lát gạch men, tường bao, cổng sắt tại địa chỉ: Số E (ngõ phía trong) nay là nhà số H phố L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án sơ thẩm).

5. Bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị G số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng). Số tiền này bao gồm giá trị 7,5 cây vàng bà M phải trả cho bà G và giá trị 02 kỷ phần thừa kế mà bà Hoàng Thị G và ông Hoàng Tôn Đ được hưởng thừa kế của bố mẹ là cụ Hoàng Tôn Bẩu cụ Vũ Thị N3 (do ông Hoàng Tôn Đ tự nguyện nhường (tặng cho) kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà Hoàng Thị G).

6. Giao cho bà Hoàng Thị M quản lý kỷ phần thừa kế của bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Trường hợp bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S có yêu cầu thanh toán kỷ phần thừa kế được hưởng, bà Hoàng Thị M phải thanh toán cho bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S số tiền bà Hoàng Thị M được giao quản lý; nếu không thỏa thuận được, bà Hoàng Thị N1 và bà Hoàng Thị S có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

7. Bà Hoàng Thị M được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký sang tên quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với nhà, đất được chia theo quy định của pháp luật sau khi thanh toán cho bà Hoàng Thị G số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm triệu đồng).

III. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hoàng Thị M và bà Hoàng Thị G.

IV. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Điền **Nguyễn Tiến Dũng** **Nguyễn Phương Hạnh**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Hạnh